

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-4-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 971/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Quỳnh N, sinh năm 1979; thường trú: Số 17/60, khu phố 1, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Khắc T, sinh năm 1970; thường trú: Ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh BP; địa chỉ liên lạc: Số A4-11, chung cư Chamr Plaza, khu phố T1, phường D, thành phố D, tỉnh B. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Quỳnh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Đỗ Thị Quỳnh N và anh Phạm Khắc T có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2002 và đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh BP theo giấy chứng nhận kết hôn số 54/2003, ngày 11/11/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh B đến năm 2016 thì chuyển về phường An Phú, thành phố T,

tỉnh B sinh sống, đến tháng 7/2020, vợ chồng sống ly thân chị Đỗ Thị Quỳnh N về quê tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang sinh sống còn anh Toàn chuyển về sinh sống tại chung cư Chamr Plaza, khu phố T1, phường D, thành phố D, tỉnh B sinh sống cho đến nay.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Đỗ Thị Quỳnh N phát hiện anh Phạm Khắc T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con chung, chị Đỗ Thị Quỳnh N nhiều lần cố gắng để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh Phạm Khắc T không dứt khoát trong mối quan hệ với người phụ nữ khác, đồng thời anh Toàn còn có thái độ coi thường, chửi bới, xúc phạm đến cha, mẹ chị Đỗ Thị Quỳnh N nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, chị Đỗ Thị Quỳnh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Khắc T.

Hiện nay, chị Đỗ Thị Quỳnh N đang làm tại Công ty TNHH MTV G.A Đại Đồng Tâm (nhân viên tư vấn bảo hiểm), thu nhập hàng tháng từ 8.000.000 đồng – 10.000.000 đồng. Anh Toàn làm tại Trường Cao đẳng đường sắt, thu nhập hàng tháng bao nhiêu chị Đỗ Thị Quỳnh N không biết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Ngọc Minh H, sinh ngày 25/9/2003 và Phạm Quỳnh Nguyệt H, sinh ngày 10/10/2005. Sau khi ly hôn chị Đỗ Thị Quỳnh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh Phạm Khắc T cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng/01 tháng/02 cháu, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung ở với anh Phạm Khắc T. Chị Như mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung vì các cháu đều là con gái, đồng thời cháu Phạm Ngọc Minh H bị bệnh Down nên cần sự chăm sóc, gần gũi từ người mẹ.

Tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị Đỗ Thị Quỳnh N yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 100m² thuộc thửa 1137, tờ bản đồ số 256, tọa lạc tại ô 43, DC 12, đường D11, KDC Việt Sing, phường A, thành phố T, tỉnh B. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng chị Đỗ Thị Quỳnh N rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Nghĩa vụ chung (nợ chung): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 25/11/2020 và lời khai trong quá trình trình tố tụng bị đơn anh Phạm Khắc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Khắc T thống nhất với lời khai của chị Đỗ Thị Quỳnh N về thời gian tìm hiểu, chung sống và việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc làm anh kinh doanh và anh Phạm Khắc T nghi ngờ chị Đỗ Thị Quỳnh N có tình cảm với người khác vì chị Như thường xuyên thức khuya và ngủ riêng, việc buôn bán tri tri, có thái độ khác lạ, quát mắng anh Toàn trước mặt khách hàng. Anh Toàn xác định không có tình cảm

với người phụ nữ khác và chưa có con riêng với ai. Từ 02/2020, chị Như nhiều lần bỏ đi và anh Toàn đã tìm gặp để vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy con cái nhưng chị Đỗ Thị Quỳnh N lại nhiều lần bỏ đi, đến tháng 7/2020 chị Như đi ra khỏi nhà và không về nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh Phạm Khắc T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đỗ Thị Quỳnh N vì vẫn còn yêu thương vợ con và mong muốn con có đủ cả cha và mẹ.

Về con chung: Anh Phạm Khắc T thống nhất với lời khai của chị Đỗ Thị Quỳnh N về số con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của các con chung. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Phạm Khắc T mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nhưng anh Phạm Khắc T tôn trọng nguyện vọng của các con muốn ở với cha hay với mẹ. Đồng thời, anh Toàn có nguyện vọng để 02 cháu cùng ở với nhau để có chị có em cùng chia sẻ vì cháu Phạm Ngọc Minh H bị bệnh Down nên cần có chị em để gần gũi. Từ tháng 7/2020 cho đến nay khi chị Đỗ Thị Quỳnh N bỏ nhà ra đi 02 con ở với anh Toàn, do anh Toàn chăm sóc, thời gian đi làm của anh Toàn từ 07 giờ đến 17 giờ từ thứ 2 đến thứ 6 còn thứ 7 và chủ nhật đi làm thêm. Hiện nay, anh Toàn đang làm tại trường Cao đẳng Đường Sắt, thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 - 20.000.000 đồng.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung vợ chồng nên căn cứ vào Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của nguyên đơn chị Đỗ Thị Quỳnh N. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống chị Đỗ Thị Quỳnh N và anh Phạm Khắc T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Quỳnh N; Về con chung giao cháu Phạm Ngọc Minh H, sinh ngày 25/9/2003 cho chị Đỗ Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Quỳnh Nguyệt H, sinh ngày 10/10/2005 cho anh Phạm Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; về nghĩa vụ chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Quỳnh N và anh Phạm Khắc T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh BP theo giấy chứng nhận kết hôn số 44/2003 ngày 11/11/2003 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Đỗ Thị Quỳnh N cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói

chung, anh Phạm Khắc T xúc phạm cha mẹ chị Đỗ Thị Quỳnh N và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, đã có 02 con chung, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Anh Phạm Khắc T xác định vợ chồng có những mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do chị Đỗ Thị Quỳnh N có tình cảm với người khác, có thái độ lạnh nhạt với anh Phạm Khắc T, không tập trung buôn bán kinh doanh. Anh Phạm Khắc T không thừa nhận có tình cảm với người phụ nữ khác và có con ngoài giá thú. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Khắc T và chị Đỗ Thị Quỳnh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không có sự chia sẻ, không quan tâm đến nhau, không tin tưởng lòng chung thủy của nhau vì vậy mâu thuẫn giữa anh Phạm Khắc T và chị Đỗ Thị Quỳnh N đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Phạm Khắc T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án để vợ chồng đoàn tụ. Từ những phân tích nêu trên thì yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Quỳnh N là có cơ sở chấp nhận theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị Quỳnh N và anh Phạm Khắc T có 02 con chung tên Phạm Ngọc Minh H, sinh ngày 25/9/2003 và Phạm Quỳnh Nguyệt H, sinh ngày 10/10/2005. Chị Đỗ Thị Quỳnh N và anh Phạm Khắc T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên và ý kiến của con trên 07 tuổi. Xét thấy cháu Phạm Ngọc Minh H là con gái và bị bệnh Down nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Đối với cháu Phạm Quỳnh Nguyệt H hiện ở với anh Phạm Khắc T, đang học tại Trường THPT Dĩ An nên cần duy trì sự ổn định trong cuộc sống và học hành của cháu Hằng, đồng thời cháu Phạm Quỳnh Nguyệt H có nguyện vọng được ở với cha (BL 25) vì vậy cần giao cháu Phạm Quỳnh Nguyệt H cho anh Phạm Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cho cháu Hằng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Phạm Khắc T và chị Đỗ Thị Quỳnh N mỗi người nuôi 01 con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Khắc T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận. Chị Đỗ Thị Quỳnh N rút yêu cầu chia tài sản chung nên hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Quỳnh N về chia tài sản chung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nghĩa vụ chung (nợ chung): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh B là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Quỳnh N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Khắc T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 217, 218, 219 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Quỳnh N về việc chia tài sản chung là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 100m² thuộc thửa 1137, tờ bản đồ số 256, tọa lạc tại ô 43, DC 12, đường D11, KDC Việt Sing, phường A, thành phố T, tỉnh B.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Quỳnh N với bị đơn anh Phạm Khắc T.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Phạm Khắc T (Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2003 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh BP cấp ngày 11/11/2003)

1.2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Phạm Quỳnh Nguyệt H, sinh ngày 10/10/2025 anh Phạm Khắc T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Phạm Khắc T giao con chung tên Phạm Ngọc Minh H, sinh ngày 25/9/2003 cho chị Đỗ Thị Quỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng

Sau ly hôn, chị Đỗ Thị Quỳnh N và anh Phạm Khắc T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị Quỳnh N và anh Phạm Khắc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tiền số 0048930 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B. Trả lại cho chị Đỗ Thị Quỳnh N số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);
- TAND tỉnh B (1);
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh BP (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)
Kiều Thị Uyên